

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2022/HN-ST**

Ngày: 20/4/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Bà Nguyễn Hải Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Sễn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 405/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST - HN ngày 09/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HN ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tú A, sinh năm: 1989 (*Có mặt*).

\* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Kh, sinh năm: 1991 (*Vắng mặt không có lý do*)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Tú A trình bày và yêu cầu như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Kh chung sống với nhau từ năm 2014, trước khi chung sống anh chị có tìm hiểu nhau trước rồi cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2014. Sau khi kết hôn, anh chị về sinh sống tại ấp M, xã G đến tháng 9/2020 thì anh chị

phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh Kh bỏ nhà đi và ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Kh có quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài, chị Tú A có bắt gặp thì anh Kh có hứa là sẽ bỏ nhưng đến nay anh Kh không bỏ được mặc dù chị đã cho anh Kh nhiều cơ hội. Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Tú A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Kh.

- *Về con chung*: Chị và anh Kh có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Nh (sinh ngày 01/6/2015, giới tính nữ). Hiện nay cháu đang chung sống cùng chị Tú A. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo Nh và chị yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi cháu Bảo Nh mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

- *Về tài sản chung*: Chị Tú A xác định, trong quá trình chung sống, giữa chị và anh Kh có cất được 01 căn nhà trên đất của cha mẹ ruột chị cho và mua sắm thêm một số đồ dùng trong nhà. Nay ly hôn, giữa chị và anh Kh không có tranh chấp về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Tú A xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh Kh không có phát sinh nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh Kh không có lời trình bày.*

\* *Tại phiên tòa:*

- *Chị Tú A yêu cầu*: Được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Kh; yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Bảo Nh và yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng; tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Kh*: Vắng mặt.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng*: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Lê Thị Tú A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Kh là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Tú A khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Kh có nơi cư trú tại ấp M, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Kh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tú A và anh Kh chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/01/2014 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Tú A về việc ly hôn với anh Kh. HĐXX xét thấy, chị Tú A cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống cho đến tháng 9/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Kh có quen với người phụ nữ khác bên ngoài chị Tú A đã bắt gặp và anh Kh có hứa sẽ sửa đổi nhưng anh Kh không thực hiện được mặc dù chị đã cho anh Kh nhiều cơ hội, anh Kh bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ tháng 9/2020 đến nay không hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Kh luôn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị Tú A nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của anh Kh.

Đồng thời, việc anh chị ly thân từ tháng 9/2020 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và chị Tú Anh xác định tình cảm giữa chị và anh Kh không thể hàn gắn được nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh Kh.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Tú Anh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Tú A được ly hôn với anh Kh.

[3] *Về quan hệ con chung*: Xét yêu cầu của chị Tú A về việc được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 01/6/2015. HĐXX xét thấy, yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị Tú A là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo Nh nên HĐXX chấp nhận, tiếp tục giao cháu Bảo Nh cho chị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét yêu cầu của chị Tú A về việc yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm đồng*) cho đến khi cháu Bảo Nh đủ tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của chị Tú A là có cơ sở.

Bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*" và mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu hiện nay của cháu Bảo Nh nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Tú A. Buộc anh Kh phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Bảo Nh với số tiền là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo Nh đủ tuổi trưởng thành.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Tú A cho rằng, giữa chị và anh Kh có 01 số tài sản chung nhưng không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị Tú A xác định, trong quá trình chung sống giữa chị và anh Kh không có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc chị Tú A phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Buộc anh Kh phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Tú A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Kh.

2. *Về con chung:* Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo Nh (sinh ngày 01/6/2015, giới tính nữ) cho chị Tú A trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện nay cháu Nh đang chung sống cùng chị Tú A).

Sau khi ly hôn, anh Kh không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trường hợp, anh Kh lạm dụng vào việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Tú Anh thì chị Tú Anh có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của anh Kh.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Nguyễn Thanh Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tú A mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng: 01 tháng/lần và bắt đầu cấp dưỡng từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bảo Nh đủ tuổi trưởng thành.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc chị Lê Thị Tú A chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000795 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị Tú A không phải nộp thêm.

- Buộc anh Nguyễn Thanh Kh chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. *Quyền kháng cáo:* Chị Tú A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/4/2022).

*Anh Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.*

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Giục Tượng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**